

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HSST

Ngày: 01.02.2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Trâm**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**
Ông **Trần Văn Sơn**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Quỳnh Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân quận N, TP. Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông **Lê Văn Quy**- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, TP. Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2024/HSST ngày 11 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ tên: **Phạm Văn T**; Giới tính: nam;

Sinh ngày: 02/02/1990 tại: TP.Hải Phòng;

HKTT: TDP T 1, X.A, H.D, TP.Hải Phòng;

Chỗ ở: phòng 301 căn hộ số 133 đường L, P.M, Q.N, TP.Đà Nẵng;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;

Trình độ học vấn: 12/12;

Nghề nghiệp: lao động tự do;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: ngày 12/3/2021, bị Phòng PC 02 Công an tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt hành chính về hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Quyết định xử phạt hành chính số 328/QĐ-XPHC ngày 12/3/2021. Đã chấp hành theo biên lai nộp phạt số 0000129 ngày 23/3/2021.

Họ và tên cha: **Phạm Văn T**(đã chết);

Họ và tên mẹ: **Quán Thị T** (SN: 1968, còn sống);

Vợ: **Lưu Thị Lan H** (SN: 1990, còn sống);

Con: 02 người con nhỏ (cùng sinh năm 2020);

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 15/9/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an Thành phố Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Trương Nhật T**, sinh năm: 1988. Trú tại: Số 113 đường M, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.
 2. Ông **Nguyễn Cao K**, sinh năm: 1989. HKTT: Tổ 59, phường M, quận N, TP Đà Nẵng. Nơi ở hiện tại: Số 89/14B đường L, tổ 59, phường M, quận N, TP Đà Nẵng.
 3. Bà **Lê Thị Hoàng Y**, sinh năm: 1984. HKTT: Tổ 61, phường A, quận T, TP Đà Nẵng. Nơi ở hiện tại: số 169 đường N, tổ 61, phường A, quận T, TP Đà Nẵng.
 4. Ông **Trần Xuân P**, sinh năm: 1982. Trú tại: Số 185 đường H, phường H, quận N, TP Đà Nẵng.
 5. Ông **Trần Văn T**, sinh năm: 1985. Trú tại: Tổ 55, phường H, quận L, TP Đà Nẵng.
 6. Bà **Hoàng Thị C**, sinh năm: 1990. Trú tại: Tổ 3, P. H, H. D, TP. Hải Phòng. Nơi ở: số 166 đường M, phường M, quận N, TP Đà Nẵng.
- (Tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 05/2022, Phạm Văn T từ TP.Hải Phòng vào TP.Đà Nẵng thuê phòng 301 căn hộ địa chỉ số 133 đường L, phường M, quận N, TP.Đà Nẵng; dán tờ rơi cho vay tiền kèm số điện thoại 0946568683 trên các tuyến đường khu vực quận N, quận S, quận H, quận C; khi có người cần vay tiền thì liên hệ với qua số điện thoại trên để thỏa thuận số tiền vay và lãi suất cho vay; chụp ảnh căn cước công dân hoặc địa chỉ làm việc để T đến trực tiếp kiểm tra và cho vay. Ngoài ra, T còn thuê 01 app quản lý do T trả tiền 4.500.000 đồng/năm, app được tải về trên web: 1cash.info (hiện app này do T không đóng tiền phí nên không còn hoạt động nữa).

Về phương thức cho vay, thời hạn vay và cách tính lãi như sau: T cho vay số tiền dao động từ 3.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, chu kỳ vay là 25 ngày, 33 ngày, 40 ngày, lãi suất dao động từ 23,5%/chu kỳ đến 36%/chu kỳ. Số tiền vay sau khi đã trừ lãi sẽ được T đưa trực tiếp hoặc chuyển khoản cho người vay thông qua số tài khoản 0932518683 (T mượn của chị Hoàng Thị C) và số tài khoản của T là 0817175999 mở tại Ngân hàng V hoặc T đến nhà khách lấy tiền trực tiếp.

Với cách thức như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 5/2022 (không nhớ chính xác ngày) đến ngày 15/9/2023, trên địa bàn quận N và các quận khác thuộc thành phố Đà Nẵng, Phạm Văn T liên tục cho 04 người vay với tổng số tiền cho vay là 1.137.400.000 đồng, số tiền lãi thu được là 313.100.000 đồng (số tiền lãi được phép thu là 22.502.466 đồng, số tiền thu lãi vượt quá là 290.597.534 đồng). Cụ thể:

1/ Anh Trương Nhật T (SN: 1988; trú tại: số 113 đường M, phường H, quận C, TP.Đà Nẵng): anh T đã 03 lần vay với tổng số tiền 300.000.000 đồng (01 lần vay gói 40 ngày và 02 lần vay gói 50 ngày), đã trả xong 300.000.000 đồng tiền gốc và 79.000.000 đồng tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 7.671.233 đồng, tiền thu lợi bất chính là 71.328.767 đồng).

2/ Anh Nguyễn Cao K (SN: 1989, trú tại: tổ 59, phường M, quận N, TP.Đà Nẵng): anh K đã 10 lần vay với tổng số tiền 264.600.000 đồng (02 lần vay gói 30 ngày và 08 lần vay gói 33 ngày), đã trả xong **254.600.000 đồng** tiền gốc và 78.100.000 đồng tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 4.414.685 đồng, tiền thu lợi bất chính là 73.685.315 đồng). Số tiền anh K chưa trả là 10.000.000 đồng.

3/ Chị Lê Thị Hoàng Y (SN: 1984; trú tại: tổ 61, phường A, quận T, TP.Đà Nẵng): chị Y đã 08 lần vay với tổng số tiền 385.000.000 đồng (01 lần vay gói 28 ngày và 07 lần vay gói 34 ngày), đã trả xong **373.000.000 đồng** tiền gốc và 100.000.000 đồng tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 7.080.548 đồng, tiền thu lợi bất chính là 92.919.452 đồng). Số tiền chị Y chưa trả là 12.000.000 đồng.

4/ Anh Trần Xuân P (SN: 1982; trú tại: số 185 đường H, phường H, quận N, TP.Đà Nẵng): anh P đã 09 lần vay với tổng số tiền 187.800.000 đồng (01 lần vay gói 30 ngày, 01 lần vay gói 32 ngày và 07 lần vay gói 33 ngày), đã trả xong **182.400.000 đồng** tiền gốc và 56.000.000 đồng tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 3.336.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 52.664.000 đồng). Số tiền anh P chưa trả là 5.400.000 đồng.

Quá trình điều tra, Phạm Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội như trên; đã nộp lại 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả và đã trả lại cho anh Trương Nhật T 10.000.000 đồng (BL: 74-83, 292-300, 308, 323, 324).

* Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố theo Bản cáo trạng số 07/CT-VKS- NHS ngày 08/01/2024 của Viện kiểm sát nhân quận N và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố **Phạm Văn T** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” đồng thời đề nghị: **Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 06 tháng đến 12 tháng tù.**

*** Biện pháp tư pháp:**

- Đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với số tiền của T là:
+ Số tiền gốc mà người vay đã trả cho T: 1.110.000.000 đồng
+ Số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà T đã thu của người vay: 22.502.466 đồng.

+ Số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà T đã thu của người vay, do người vay không yêu cầu nhận lại: 290.597.534 đồng.

➔ Tổng cộng số tiền truy thu sung công quỹ nhà nước đối với Phạm Văn T là: (1.110.000.000 đồng + 22.502.466 đồng + 290.597.534 đồng) – 26.500.000 đồng (tiền thuê nhà, mua app, khắc phục hậu quả) = 1.396.600.000 đồng.

- Đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước của những người vay số tiền gốc mà người vay phải trả cho T nhưng chưa trả được: 27.400.000 đồng. Trong đó: anh Nguyễn

Cao K 10.000.000 đồng; chị Lê Thị Hoàng Y: 12.000.000 đồng và anh Trần Xuân P: 5.400.000 đồng.

*** Xử lý vật chứng, đồ vật tạm giữ:**

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro Max, màu xám, gắn sim số 0817175999 và 10.000.000 đồng tạm giữ của Phạm Văn T, đề nghị chuyển Chi cục Thi hành án dân sự Q.N, TP.Đà Nẵng để xử lý theo quy định pháp luật.

- Đối với 01 căn cước công dân mang tên Phạm Văn T, Cơ quan CSĐT- CA Q.N, TP.Đà Nẵng đã trả lại cho anh Đào Văn H (SN: 1996; HKTT: thôn 8, P.L, TX.Q, T.Quảng Ninh, em họ của bị can T) là người được T uỷ quyền nhận lại tài sản (BL: 325-326).

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, cơ quan Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Từ khoảng tháng 5/2022 đến ngày bị bắt, trên địa bàn quận N và các quận khác thuộc thành phố Đà Nẵng, Phạm Văn T đã có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với 04 người vay, tổng số tiền là 1.137.400.000 đồng, lãi suất cho vay cao nhất là 36%/tháng (đã vượt gấp 21,6 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự là 20%). Số tiền lãi thu được là 313.100.000 đồng (số tiền lãi được phép thu là 22.502.466 đồng, số tiền thu lãi vượt quá là 290.597.534 đồng). Tổng số tiền thu lợi bất chính là 274.097.534 đồng.

[3]. Về tính chất hành vi phạm tội của bị cáo:

Tuy vụ án thuộc loại ít nghiêm trọng, nhưng hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ của Nhà nước. Mặc dù biết việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, gây thiệt hại cho

người vay, bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng vì động cơ tư lợi mà không phải thông qua lao động chân chính, lợi dụng việc người đi vay tiền đang gặp hoàn cảnh khó khăn cần tiền gấp, để cho người vay tiền phải chịu mức lãi suất quá cao so với quy định của Nhà nước.

Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Do đó, hành vi nêu trên của Phạm Văn T đã cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 07/CT-VKS- NHS ngày 08/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận N đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 12/3/2021 bị Phòng PC 02 Công an tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt hành chính về hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Quyết định xử phạt hành chính số 328/QĐ-XPHC ngày 12/3/2021. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tác động gia đình nộp lại một phần tiền thu lợi bất chính, cụ thể là 10.000.000 đồng; tác động gia đình nộp tiền khắc phục hậu quả cho người vay cụ thể: trả cho anh Trương Nhật T 10.000.000 đồng do vậy cần áp dụng điểm b, s, i khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ đối với bị cáo.

[5] Về biện pháp chấp hành hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần quyết định hình phạt tù và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian ngắn mới đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Ngoài ra, nhằm để răn đe bị cáo và có tác dụng giáo dục trong việc loại bỏ tình trạng tín dụng đen đang phát triển trong xã hội. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng thêm khoản 3 điều 201 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn T số tiền 50.000.000 đồng.

[7] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điều 47 BLHS, Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 201 BLHS và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[7.1] Đối với số tiền lãi >20% lãi xuất cao nhất do Nhà nước quy định: **290.597.534 đồng**. Xác định đây là tiền thu lợi bất chính cần buộc Phạm Văn T trả lại cho những người vay nhưng do những người vay không yêu cầu nhận lại nên cần truy thu của bị cáo Phạm Văn T để sung ngân sách Nhà nước. Quá trình điều tra, Phạm Văn T khai nhận: trả cho anh Trần Văn T 12.000.000 đồng tiền thuê căn hộ và bồi thường thiệt hại cho anh

Trương Nhật T 10.000.000 đồng (phù hợp với lời khai của T, anh T); trả tiền thuê app quản lý 4.500.000 đồng. Như vậy, số tiền thực tế bị cáo T thu lợi bất chính cần truy thu sung ngân sách Nhà nước là: 290.597.534 đồng - 26.500.000 đồng = **264.097.534 đồng**.

[7.2] Đối với số tiền lãi = 20% tương ứng với mức lãi xuất cao nhất do Bộ luật dân sự quy định mà bị cáo đã thu của người vay: **22.502.466 đồng** cần truy thu của Phạm Văn T sung ngân sách Nhà nước.

[7.3] Đối với số tiền gốc mà những người vay đã trả cho Phạm Văn T: **1.110.000.000 đồng** cần truy thu sung ngân sách Nhà nước.

[7.4] Đối với số tiền gốc mà người vay chưa trả cho bị cáo cần truy thu của những người vay để sung Ngân sách Nhà nước, cụ thể: anh Nguyễn Cao K 10.000.000 đồng; chị Lê Thị Hoàng Y: 12.000.000 đồng và anh Trần Xuân P: 5.400.000 đồng.

[8] Xử lý vật chứng, đồ vật tạm giữ:

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone **13 Pro Max, màu vàng**, imeil 35479878592192 gắn sim số 0817175999 của bị cáo T dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 căn cước công dân mang tên Phạm Văn T, Cơ quan CSĐT- CA Q.N, TP.Đà Nẵng đã trả lại cho anh Đào Văn H (SN: 1996; HKTT: thôn 8, P.L, TX.Q, T.Quảng Ninh, em họ của bị can T) là người được T uỷ quyền nhận lại tài sản nên không đề cập đến.

[8.5] Đối với số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo Phạm Văn T tự nguyện nộp lại một phần là **10.000.000 đồng** theo **Uỷ nhiệm chi ngày 31/01/2024 của Công an quận N cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.**

[9] Đối với một số vấn đề liên quan trong vụ án:

Đối với anh Trần Văn T (SN: 1985; trú tại: tổ 55, P.H, Q.L, TP.Đà Nẵng) đã cho Phạm Văn T thuê phòng 301 căn hộ địa chỉ 133 L, phường M, quận N, TP.Đà Nẵng và chị Hoàng Thị C (SN: 1990; trú tại: tổ 3, P.H, H.D, TP.Hải Phòng) đã cho Phạm Văn T mượn và quản lý số tài khoản 0932518683 Ngân hàng V, nhưng không liên quan đến hành vi phạm tội của T nên Cơ quan CSĐT – Công an Q.N, TP.Đà Nẵng không xử lý là có căn cứ.

[10] Xét các nội dung đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận N, về điều khoản luật và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng đối với bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp các nhận định của Hội đồng xét xử.

[11] Về án phí HSST: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Văn T 06 (Sáu) tháng** tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/9/2023

Phạt bổ sung số tiền: **50.000.000 đồng**.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[2.1] Truy thu sung ngân sách Nhà nước đối với Phạm Văn T số tiền **1.396.600.000 đồng**, gồm:

+ 1.110.000.000 đồng tiền gốc mà người vay đã trả cho bị cáo T.

+ 264.097.534 đồng tiền thực tế T đã thu lợi bất chính.

+ 22.502.466 đồng tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà T đã thu của người vay.

[2.2] Truy thu của những người vay để sung ngân sách nhà nước, cụ thể: anh Nguyễn Cao K 10.000.000 đồng; chị Lê Thị Hoàng Y: 12.000.000 đồng và anh Trần Xuân P: 5.400.000 đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone **13 Pro Max, màu vàng**, imeil 35479878592192 gắn sim số 0817175999 của Phạm Văn T.

(Toàn bộ số vật chứng này hiện nay do Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/02/2024).

- Tiếp tục tạm giữ số tiền **10.000.000 đồng** của bị cáo T theo Ủy nhiệm chi ngày 31/01/2024 của Công an quận N để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí HSST: Bị cáo phải chịu 200.000đ

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- VKSND quận N;
- Công an quận N;
- Cơ quan THA Hình sự quận N;
- Chi Cục THADS quận N;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**Hội thẩm nhân dân****Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

